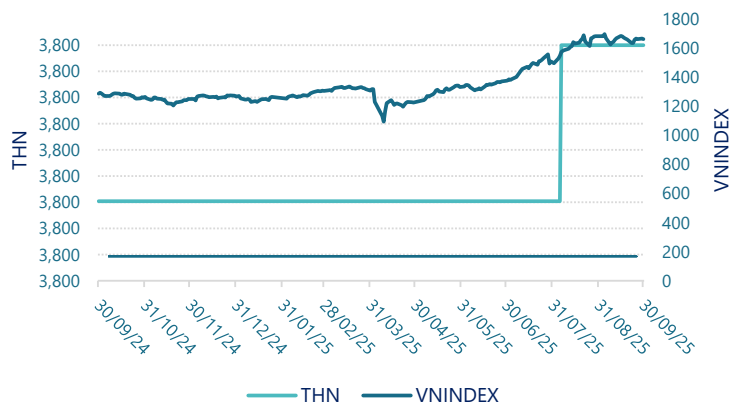




CTCP Cấp nước Thanh Hóa (UPCOM: THN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
SL cổ phiếu LH	32,995,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125
P/E	1.8
EPS	2,083

DT thuần

Q3/25

130

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 7.1%

YoY: ▲ 8.00 | 6.2%

LN sau thuế

Q3/25

17.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.20 | 1.1%

YoY: ▲ 2.50 | 16.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.8%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

9T 2025

357

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0 | 3.8%

LN sau thuế

9T 2025

45.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.20 | 15.9%

ROE

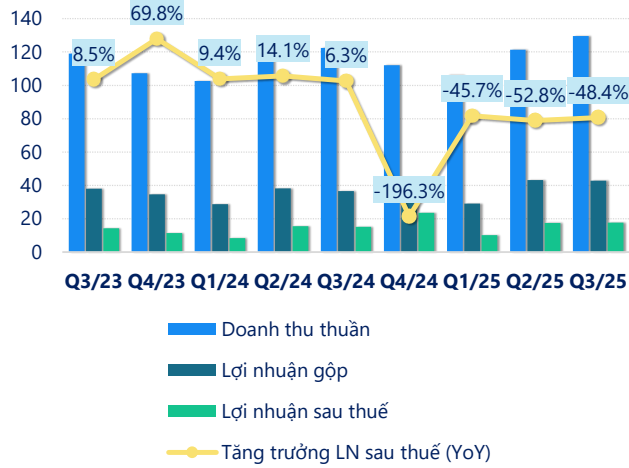
Q3/25

16.7%

+/- YoY: ▲ 4.1%

tỷ VNĐ

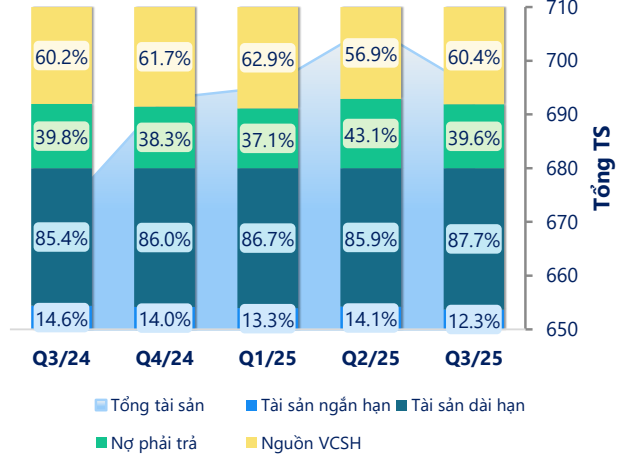
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

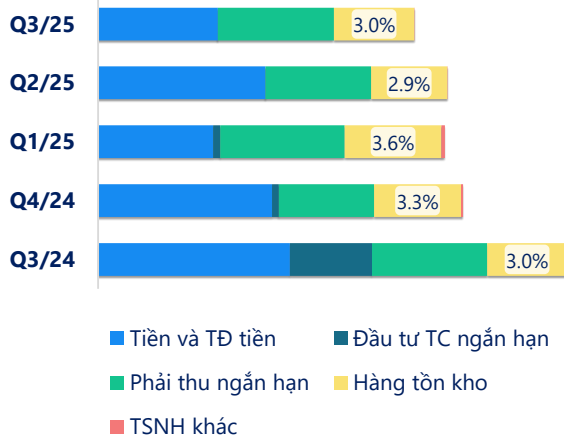
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



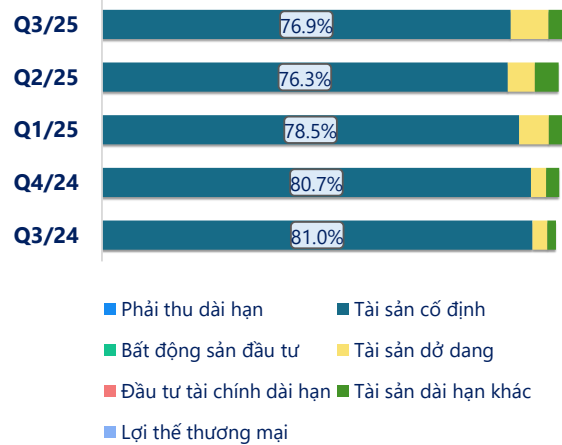
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

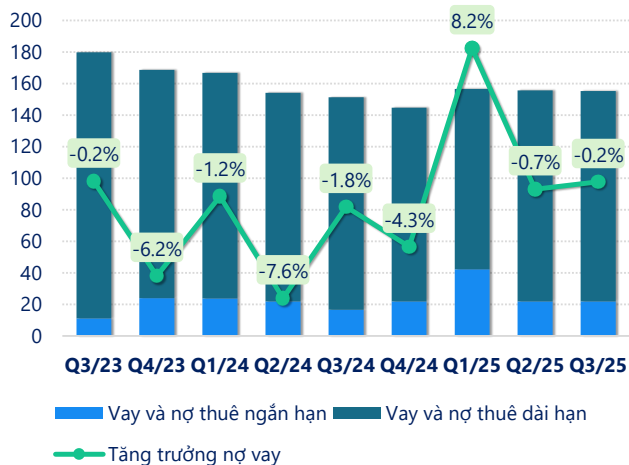
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

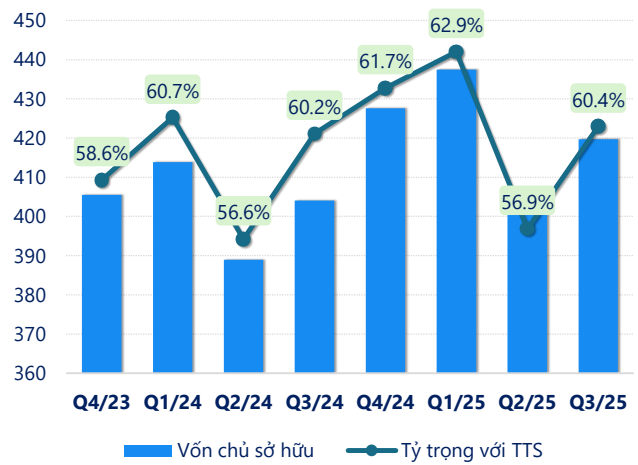
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

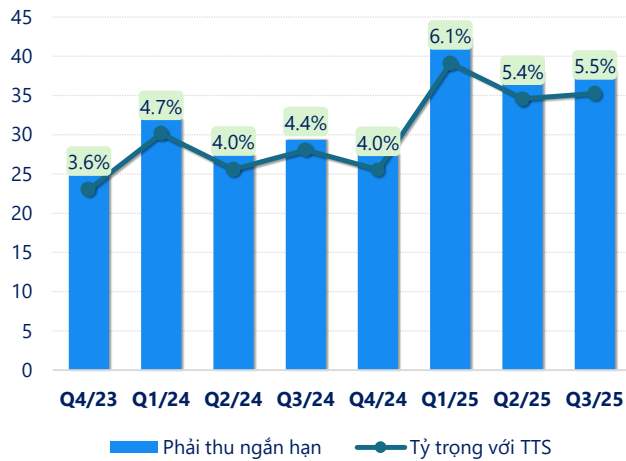
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



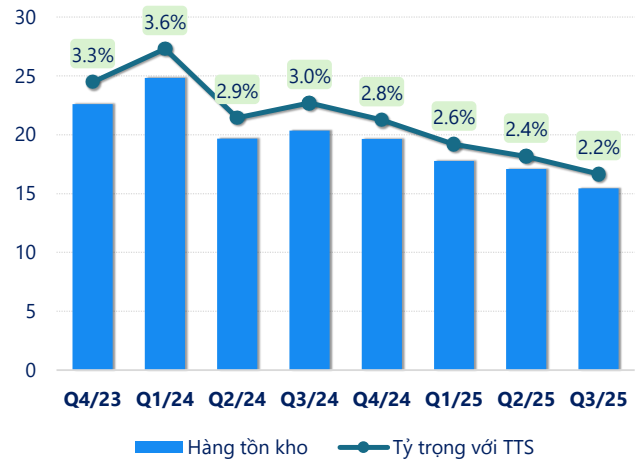
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


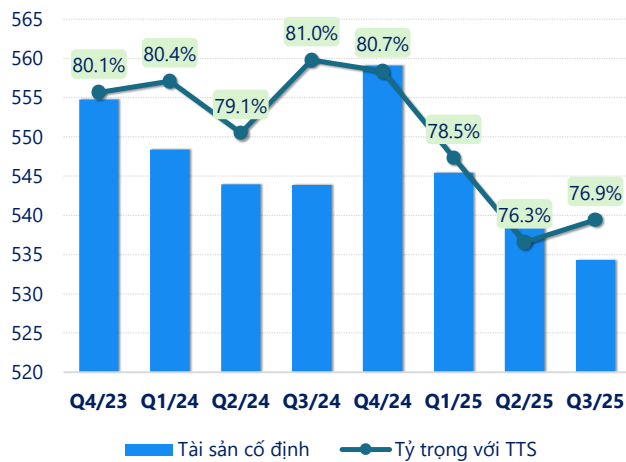
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


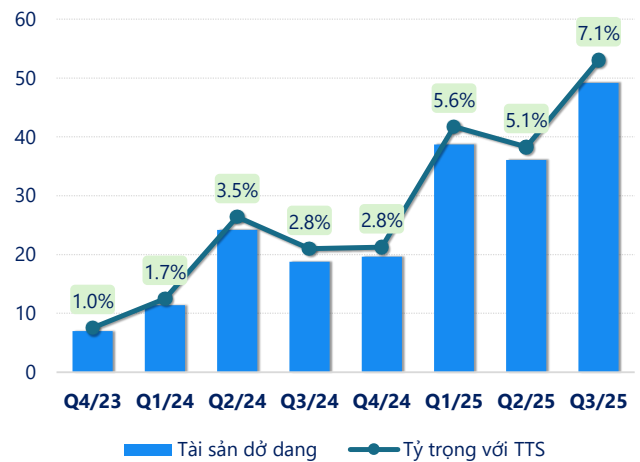
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

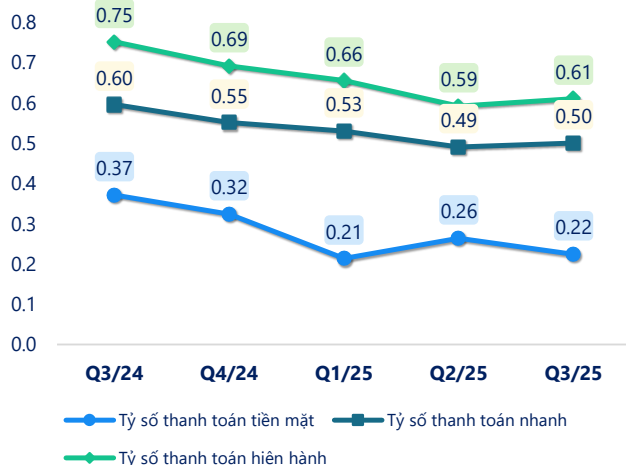
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	672	693	695	706	695
Tài sản ngắn hạn	98.2	96.9	92.4	99.8	85.2
Tiền và tương đương tiền	48.5	45.4	30.1	44.5	31.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	29.3	27.5	42.3	38.0	38.1
Hàng tồn kho	20.3	19.6	17.8	17.1	15.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	4.35	2.21	0.19	0.33
Tài sản dài hạn	574	596	603	607	610
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	544	559	545	539	534
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	18.8	19.6	38.7	36.1	49.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.9	17.4	18.6	31.5	26.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	268	265	258	304	275
Nợ ngắn hạn	131	140	141	168	139
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.6	21.8	42.3	21.8	21.8
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	28.0	23.1	37.4	33.2
Nợ dài hạn	137	125	117	136	136
Vay và nợ thuê dài hạn	135	123	114	134	133
Nguồn vốn chủ sở hữu	404	428	437	402	420
Vốn chủ sở hữu	404	428	437	402	420
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)